**Mục tiêu và chuẩn đầu ra 2017**

**Ngành Giáo dục thể chât**

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHV, ngày 27 / 4 /2017*

*của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

**1. Mục tiêu chung**

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục thể chất có: kiến thức cơ sở và chuyên ngành; khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá hoạt động giáo dục thể chất và thể thao ở trường THPT trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

**2. Mục tiêu cụ thể**

LO1: Có kiến thức cơ bản về chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội; có kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành thuộc lĩnh vực Giáo dục thể chất;

LO2: Có năng lực tư duy phân tích, giải quyết vấn đề trong hoạt động Giáo dục thể chất và thể thao trường học; có thái độ và tư tưởng học tập đúng đắn, hành xử chuyên nghiệp và trách nhiệm, thể hiện tính kiên trì, sáng tạo và có khả năng học tập và rèn luyện suốt đời;

LO3: Có năng lực làm việc nhóm, giao tiếp bằng các hình thức khác nhau và giao tiếp bằng ngoại ngữ;

LO4: Có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá và cải tiến các hoạt động giáo dục thể chất ở trương học các cấp và thể thao quần chúng; có năng lực dẫn dắt tổ chức hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh

**III. Chuẩn đầu ra**

**1. Chuẩn đầu ra**

**PO1. Áp dụng các kiến thức cơ bản và lập luận ngành vào lĩnh vực giáo dục đào tạo nói chung và dạy học Giáo dục thể chất nói riêng**

PLO1.1. Áp dụng kiến thức chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội vào hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống

PLO1.2. Áp dụng kiến thức cơ sở ngành vào thực tế hoạt động nghề nghiệp

PLO1.3. **Á**p dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tế hoạt động nghề nghiệp

**PO2. Vận dụng các kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp vào các hoạt động giáo dục nói chung và Giáo dục thể chất nói riêng**

PLO2.1. Có khả năng lập luận phân tích và giải quyết vấn đề

PLO2.2. Có khả năng thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri trong lĩnh vực giáo dục thể chất và thể thao

PLO2.3. Thể hiện thái độ, tư tưởng và học tập đúng đắn trong hoạt động giáo dục thể chất và thể thao

PLO2.4. Thể hiện đạo đức, công bằng và trách nhiệm của giáo viên

**PO3: Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm**

PLO3.1. Thể hiện các kĩ năng làm việc nhóm để nghiên cứu, đổi mới và sáng tạo trong quá trình thực hiện các hoạt động dạy học Giáo dục thể chất và hoạt động giáo dục khác

PLO3.2. Phát triển năng lực giao tiếp sư phạm trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ dạy học và giáo dục

PLO3.3. Có khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ để thực hiện các hoạt động giáo dục, dạy học và nghiên cứu tài liệu. Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam

**PO4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá và cải tiến các hoạt động giáo dục thể chất** **ở trường học các cấp và thể thao quần chúng trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế**

PLO4.1. Nhận biết bối cảnh xã hội và môi trường

PLO4.2. Nhận biết bối cảnh nhà trường phổ thông

PLO4.3. Hình thành ý tưởng về hoạt động giáo dục thể chất và thể thao quần chúng

PLO4.4. Thiết kế hoạt động giáo dục thể chất và thể thao quần chúng

PLO4.5. Thực hiện, dẫn dắt hoạt động giáo dục thể chất và thể thao theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh

PLO4.6. Đánh giá và cải tiến các hoạt động giáo dục thể chất và thể thao quần chúng

**2. Chuẩn đầu ra chi tiết (cấp độ 3)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA** | **TĐNL** |
| **1** | **KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH** |  |
| **1.1** | **Kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng Việt Nam, toán thống kê, tin học.** |  |
| 1.1.1 | *Hiểu biết* về chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng Việt Nam | 2.0 |
| 1.1.2 | *Áp dụng* kiến thức Toán thống kê | 3.0 |
| 1.1.3 | *Sử dụng* Tin học cơ bản | 3.0 |
| 1.1.4 | *Hiểu biết* về xã hội và nhân văn | 2.0 |
| **1.2.** | **Kiến thức cơ sở ngành** |  |
| 1.2.1 | *Áp dụng* kiến thức về giải phẫu và sinh lý người | 3.0 |
| 1.2.2 | *Áp dụng* kiến thức về sinh lý học TDTT | 3.0 |
| 1.2.3 | *Áp dụng* kiến thức về y học TDTT | 3.0 |
| 1.2.4 | *Áp dụng* kiến thức về tâm lý học TDTT | 3.0 |
| 1.2.5 | *Áp dụng* kiến thức về tâm lý học và giáo dục học | 3.0 |
| 1.2.6 | *Sử dụng* kiến thức về hoạt động thể thao ở trường THPT | 3.0 |
| **1.3** | **Kiến thức chuyên ngành** |  |
| 1.3.1 | *Vận dụng* kiến thức về thể dục | 3.0 |
| 1.3.2 | *Vận dụng* kiến thức về điền kinh | 3.0 |
| 1.3.3 | *Vận dụng* kiến thức về các môn bóng | 3.0 |
| 1.3.4 | *Vận dụng* kiến thức về võ thuật | 3.0 |
| 1.3.5 | *Vận dụng* kiến thức về thể thao dưới nước | 3.0 |
| 1.3.6 | *Vận dụng* kiến thức về cờ vua | 3.0 |
| 1.3.7 | *Vận dụng* kiến thức về phương pháp dạy học | 3.5 |
| 1.3.8 | *Vận dụng* kiến thức về tổ chức hoạt động thể thao | 3.0 |
| 1.3.9 | *Vận dụng* kiến thức về thể thao tự chọn | 3.5 |
| **2** | **KỸ NĂNG CÁ NHÂN, NGHỀ NGHIỆP VÀ PHẨM CHẤT** |  |
| **2.1** | **Lập luận phân tích và giải quyết vấn đề** |  |
| 2.1.1 | *Xác định* vấn đề | 3.0 |
| 2.1.2 | *Triển khai* mô hình hóa vấn đề | 3.0 |
| 2.1.3 | *Đánh giá* ước lượng và phân tích định tính | 3.0 |
| 2.1.4 | *Phát hiện* các yếu tố ngẫu nhiên | 3.0 |
| 2.1.5 | *Triển khai* giải pháp và đề xuất | 3.0 |
| **2.2** | **Thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri** |  |
| 2.2.1 | *Xây dựng* giả thuyết | 3.0 |
| 2.2.2 | *Triển khai* khảo sát qua tài liệu và thông tin điện tử | 3.0 |
| 2.2.3 | *Triển khai* điều tra qua thử nghiệm | 3.0 |
| 2.2.4 | *Triển khai* kiểm tra và bảo vệ giả thuyết | 3.0 |
| **2.3** | **Tư duy hệ thống** |  |
| 2.3.1 | *Phác thảo* tổng thể vấn đề | 3.0 |
| 2.3.2 | *Phát hiện* sự nảy sinh và tương tác trong hệ thống | 3.0 |
| 2.3.3 | *Lựa chọn* ưu tiên | 3.0 |
| 2.3.4 | *Giải quyết* dung hòa, đánh giá và cân bằng trong hệ thống | 3.0 |
| **2.4** | **Thái độ, tư tưởng và học tập** |  |
| 2.4.1 | *Triển khai* sáng kiến và tính sẵn sàng chấp nhận rủi ro | 3.0 |
| 2.4.2 | *Thể hiện* tính kiên trì, quyết tâm, tháo,và linh hoạt | 3.0 |
| 2.4.3 | *Vận dụng* tư duy sáng tạo | 3.0 |
| 2.4.4 | *Vận dụng* tư duy phản biện | 3.0 |
| 2.4.5 | *Nhận biết* các đặc điểm về tính cách và kiến thức của bản thân | 3.0 |
| 2.4.6 | *Có khả năng* học tập và rèn luyện suốt đời | 3.0 |
| 2.4.7 | *Có khả năng* quản lý thời gian và nguồn lực | 3.0 |
| **2.5** | **Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác** |  |
| 2.5.1 | *Thể hiện* đạo đức nghề nghiệp (trung thực, cao thượng, trách nhiệm và đáng tin cậy) | 3.0 |
| 2.5.2 | *Hiểu biết về* trách nhiệm xã hội, hành xử chuyên nghiệp | 3.0 |
| 2.5.3 | *Thể hiện* hành xử chuyên nghiệp | 3.0 |
| 2.5.4 | *Xây dựng* kế hoạch cho nghề nghiệp | 3.0 |
| **3** | **KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP** |  |
| **3.1** | **Làm việc nhóm** |  |
| 3.1.1 | *Triển khai* hình thành nhóm làm việc hiệu quả | 3.0 |
| 3.1.2 | *Triển khai* hoạt động nhóm | 3.0 |
| 3.1.3 | *Triển khai* phát triển nhóm | 3.0 |
| 3.1.4 | *Dẫn dắt* lãnh đạo nhóm | 3.0 |
| 3.1.5 | *Dẫn dắt* hợp tác làm việc nhóm và nhóm đa ngành | 3.0 |
| **3.2** | **Giao tiếp** |  |
| 3.2.1 | *Xây dựng* chiến lược giao tiếp | 3.0 |
| 3.2.2 | *Xây dựng* cấu trúc giao tiếp (cách lập luận, sắp xếp ý tưởng) | 3.0 |
| 3.2.3 | *Áp dụng* giao tiếp bằng văn bản | 3.0 |
| 3.2.4 | *Áp dụng* giao tiếp điện tử | 3.0 |
| 3.2.5 | *Áp dụng* giao tiếp phi ngôn ngữ | 3.0 |
| 3.2.6 | *Xây dựng* thuyết trình | 3.0 |
| 3.2.7 | *Hiểu biết* lắng nghe và đối thoại | 3.0 |
| 3.2.8 | *Tham gia* đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột | 3.0 |
| **3.3** | **Giao tiếp bằng ngoại ngữ** |  |
| 3.3.1 | *Sử dụng* tiếng Anh giao tiếp cơ bản | 2.5 |
| 3.3.2 | *Sử dụng* tiếng Anh trình bày một vấn đề đơn giản | 2.5 |
| **4** | **NĂNG LỰC HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, TRIỂN KHAI VÀ VẬN HÀNH TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ XÃ HỘI** |  |
| **4.1** | **Bối cảnh xã hội và môi trường** |  |
| 4.1.1 | *Xây dựng* vai trò và trách nhiệm của người giáo viên | 3.0 |
| 4.1.2 | *Hiểu biết* tác động của hoạt động giáo dục thể chất và thể thao đến xã hội | 3.0 |
| 4.1.3 | *Hiểu biết* các quy định của Nhà nước đối với hoạt động giáo dục thể chất và thể thao | 3.0 |
| 4.1.4 | *Hiểu biết* bối cảnh lịch sử và văn hóa | 3.0 |
| 4.1.5 | *Hiểu biết* các vấn đề mang tính thời sự | 3.0 |
| 4.1.6 | *Hiểu biết* bối cảnh toàn cầu | 3.0 |
| 4.1.7 | *Hiểu biết* tính bền vững và nhu cầu phát triển bền vững | 3.0 |
| **4.2** | **Bối cảnh Nhà trường** |  |
| 4.2.1 | *Hiểu biết* sự đa dạng văn hóa của địa phương | 3.0 |
| 4.2.2 | *Phân tích* bối cảnh nhà trường | 3.0 |
| 4.2.3 | *Xác định* vị trí, vai trò của ngành học | 3.0 |
| **4.3** | **Hình thành ý tưởng về Hoạt động giáo dục thể chất và thể thao** |  |
| 4.3.1 | Hiểu nhu cầu và thiết lập các mục tiêu hoạt động giáo dục thể chất và thể thao. | 2.0 |
| 4.3.2 | Hiểu chức năng, nguyên lý và cấu trúc chương trình nhà trường và hoạt động thể thao | 2.0 |
| 4.3.3 | Mô hình hóa chương trình nhà trường và hoạt động thể thao | 2.0 |
| 4.3.4 | Quản lý và phát triển chương trình nhà trường môn học và hoạt động thể thao. | 2.0 |
| **4.4** | **Thiết kế Hoạt động giáo dục thể chất và thể thao** |  |
| 4.4.1 | *Xây dựng* cấu trúc hoạt động | 3.0 |
| 4.4.2 | *Xây dựng* các nội dung hoạt động | 3.0 |
| 4.4.3 | *Xây dựng*kế hoạch và hướng dẫn thực hiện. | 3.0 |
| **4.5** | **Thực hiện Hoạt động giáo dục thể chất và thể thao** |  |
| 4.5.1 | *Thực hiện* triển khai các hoạt động giáo dục thể chất và thể thao; | 3.0 |
| 4.5.2 | *Tổ chức* lãnh đạo và quản lý người học | 3.0 |
| 4.5.3 | *Triển khai* giám sát, kiểm tra đánh giá quá trình và kết quả học tập, rèn luyện | 3.0 |
| 4.5.4 | *Giải quyết* các tình huống nảy sinh. | 3.0 |
| **4.6** | **Đánh giá Hoạt động giáo dục thể chất và thể thao** |  |
| 4.6.1 | *Phát hiện* và giải quyết các vấn đề nảy sinh; | 3.0 |
| 4.6.2 | *Phân tích* các kết quả kiểm tra, đánh giá và phản hồi để cải tiến. | 3.0 |